

Bản án số: 255/2025/KDTM-PT
Ngày: 18/8/2025
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Hoàng Hoa

Ông Bùi Trọng Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 178/2025/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 14/4/2025 của Tòa án nhân dân Quận C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3552/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12189/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T;

Trụ sở: 53 Đường số 10, phường A, Thành phố T (nay là phường K), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Trần Văn H, Phan Thị Cẩm V là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản số 300924 ngày 30/9/2024).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H;

Trụ sở: 235 đường V, phường V, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 123 đường N, phường V, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Quỳnh A là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ngày 22/11/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm đã thể hiện:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T (sau đây gọi tắt là Công ty T) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H (sau đây gọi tắt là Công ty H) đã hợp tác trên 15 năm, ký kết gần 400 hợp đồng. Khoảng thời gian từ năm 2010 đến 2019, hai bên vẫn xác nhận và ký khối lượng bằng tay (ký sòng) và gửi cho nhau để lưu hồ sơ. Thời gian sau này, Công ty H phát triển mạnh thì có thông báo đến các thầu phụ sẽ duyệt và ký hồ sơ online qua hệ thống PMS của H. Ngày 23/3/2020, Công ty T gửi hồ sơ đăng ký nộp hồ sơ online cho H. Ngày 31/3/2020, H gửi email “*tài liệu hướng dẫn thực hành lập hồ sơ thanh toán trên PMS*”. Trong tài liệu hướng dẫn sử dụng Modun thanh toán nhà thầu phụ của H phát hành tháng 3-2020 trang 9 có ghi rõ: “*Hồ sơ thanh toán có chữ “Validated” mới là hồ sơ hợp lệ để ký đóng dấu nộp cho QS - công trường*”.

Trong suốt khoảng thời gian từ 3/2020 khi H thông báo duyệt hồ sơ online qua hệ thống thì hai bên vẫn hợp tác bình thường. Công ty T vẫn xuất hóa đơn theo các đợt khối lượng và Công ty H cũng thanh toán cho T. Nhưng sau năm dịch Covid thì có nhiều đợt khối lượng đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty H không chịu thanh toán cho Công ty T. Cụ thể:

1/Hợp đồng số 18/T/PICITY.C4/2021 ngày 08/11/2021:

Ngày 08/11/2021 Công ty T và Công ty H có ký hợp đồng số 18/T/PICITY.C4/2021 về việc thi công chống thấm cho công trình khu nhà ở Gò Sao – khối nhà C4, địa điểm tại số 9A đường T, Khu phố A, phường T, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị hợp đồng sau thuế giá trị gia tăng VAT 8% là: 2.763.542.579 đồng. Ngày 10/4/2022 ký phụ lục 01 với giá trị sau thuế giá trị gia tăng VAT 8% là: 2.228.482.243 đồng. Ngày 15/10/2023 ký phụ lục 02 với giá trị sau thuế VAT 8% là: -145.193.915 đồng. Hợp đồng này đã thi công xong, Công ty T đã xuất hóa đơn đầy đủ tất cả các đợt khối lượng từ đợt 1 đến đợt 10.

Về khối lượng đợt 4, Công ty H xác nhận giá trị cho T ngày 25/8/2022 theo ID: 20220825043250 với giá trị thanh toán kỳ này là: 982.119.402 đồng. Ngày 07/02/2024 Công ty H đã thanh toán 690.004.002 đồng nên Công ty T chỉ đòi số tiền còn lại đợt 4: 292.115.400 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 08/9/2022.

Về khối lượng đợt 7, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 24/02/2023 theo ID: 20230224102804 với giá trị thanh toán kỳ này là: 126.038.622 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 10/3/2023.

Về khối lượng đợt 8, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 05/4/2023 theo ID: 20230405020215 với giá trị thanh toán kỳ này là: 162.223.619 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 18/4/2023.

Về khối lượng đợt 9, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 06/7/2023 theo ID: 20230705091245 với giá trị thanh toán kỳ này là: 45.110.473 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 20/7/2023.

Về khối lượng đợt 10, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 30/10/2023 theo ID: 20231030020949 với giá trị thanh toán kỳ này là: 19.467.991 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 11/11/2023.

2/ Hợp đồng số 11/TQ/ASIANARIVERSIDE/2022 ngày 26/3/2022:

Ngày 26/3/2022, Công ty T và Công ty H ký hợp đồng số 11/TQ/ASIANARIVERSIDE/2022 về việc chống thấm cho công trình Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp Asiana Riverside, địa điểm tại địa chỉ đường B, phường Đ, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị hợp đồng sau thuế VAT là: 11.935.879.978 đồng. Công ty T và Công ty H thống nhất khối lượng từ đợt 1 đến đợt 5 và đã xuất hóa đơn đầy đủ.

Về khối lượng đợt 2, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 26/7/2022 theo ID: 20220726103759 với giá trị thanh toán kỳ này là: 2.064.430.104 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 09/8/2022.

Về khối lượng đợt 3, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 17/10/2022 theo ID: 20221017015045 với giá trị thanh toán kỳ này là: 232.629.850 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 29/10/2022.

Về khối lượng đợt 4, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 23/11/2022 theo ID: 20221123030343 với giá trị thanh toán kỳ này là: 150.489.289 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 07/12/2022.

Về khối lượng đợt 5, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 23/12/2022 theo ID: 20221223105756 với giá trị thanh toán kỳ này là: 295.512.621 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 06/01/2023.

3/ Hợp đồng số 31/TQC/VGP-PK3/2022 ngày 21/7/2022

Ngày 21/7/2022 Công ty T và Công ty H có ký hợp đồng số 31/TQC/VGP-PK3/2022 về việc cung cấp vật tư và thi công chống thấm cho công trình Vinhomes Grand Park – Phân khu 3, địa điểm Phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị hợp đồng sau thuế giá trị gia tăng VAT 10% là: 1.791.667.409 đồng. Hợp đồng này đã thi công xong, Công ty T và Công ty H đã thống nhất khối lượng từ đợt 1 đến đợt 2 và đã xuất hóa đơn đầy đủ cả đợt 1 và đợt 2 này cho Công ty H.

Về khối lượng đợt 1, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 20/02/2023 theo ID: 20230220053110 với giá trị thanh toán kỳ này là: 638.377.549 đồng, ngày quá hạn thanh toán tính từ ngày 26/5/2023.

Về khối lượng đợt 2, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 27/4/2023 theo ID: 20230427013649 với giá trị thanh toán kỳ này là: 259.587.597 đồng, ngày quá hạn thanh toán tính từ ngày 04/8/2023.

4/Hợp đồng số 53/TQ/VINHOMESQ.9/2019 ngày 09/07/2019

Ngày 09/7/2019, Công ty T và Công ty H có ký hợp đồng số 53/TQ/VINHOMESQ.9/2019 về việc chống thấm công trình Vinhomes Grand Park – phân khu 1, địa điểm tại Đường X, phường M, Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị hợp đồng sau thuế giá trị gia tăng VAT 10% là: 2.526.309.265 đồng. Ngày 01/11/2019 ký phụ lục 01 với giá trị sau thuế giá trị gia tăng VAT 10% là 825.612.645 đồng. Ngày 17/12/2019 ký phụ lục 02 với giá trị sau thuế giá trị gia tăng VAT 10% là: 3.542.452.188 đồng. Ngày 29/6/2020 ký phụ lục 03 với giá trị sau thuế giá trị gia tăng VAT 10% là: 448.147.480 đồng. Hợp đồng

này đã thi công xong, Công ty T và Công ty H đã thống nhất khối lượng quyết toán. Công ty T đã xuất hóa đơn đầy đủ.

Về khối lượng đợt quyết toán Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 17/11/2022 theo ID: 20221117090626 với giá trị quyết toán là: 671.394.302 đồng, ngày quá hạn thanh toán tính từ ngày 26/11/2022.

5/Hợp đồng số 18/TQ/TRUNGNGUYEN/2021 ngày 04/10/2021

Ngày 04/10/2021 Công ty T và Công ty H ký hợp đồng số 18/TQ/TRUNGNGUYEN/2021 về việc cung cấp và thi công chống thấm công trình Đô thị sinh thái văn hóa cà phê suối xanh, địa điểm phường L, thành phố B tỉnh Đắk Lắk với giá trị hợp đồng sau thuế VAT là: 3.199.604.554 đồng. Hợp đồng này đã thi công xong, Công ty T và Công ty H đã thống nhất khối lượng đợt 3, đợt 4 và đợt quyết toán. Công ty T đã xuất hóa đơn đầy đủ.

Về khối lượng đợt 3 Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 10/02/2023 theo ID: 20230210095049 với giá trị thanh toán kỳ này là: 403.606.346 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 14/7/2023.

Về khối lượng đợt 4, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 17/5/2023 theo ID: 20230517041210 với giá trị thanh toán kỳ này là: 379.323.659 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 22/8/2024.

Về khối lượng đợt quyết toán, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 17/4/2024 theo ID: 20240417092412 với giá trị quyết toán là: 153.494.108 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 01/5/2024.

6/Hợp đồng số 11/T/BW/2021 ngày 19/3/2021

Ngày 19/3/2021, Công ty T và Công ty H ký hợp đồng số 11/T/BW/2021 về việc thi công chống thấm cho công trình Dự án 20 – Công ty TNHH Phát Triển Công Nghiệp BW T, địa điểm tại Đường số E, Khu công nghiệp T B, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương với giá trị hợp đồng sau thuế giá trị gia tăng VAT là: 1.613.446.117 đồng. Ngày 29/6/2021 ký phụ lục 01 với giá trị sau thuế giá trị gia tăng VAT là: 209.759.431 đồng. Ngày 05/8/2022 ký phụ lục 02 với giá trị sau thuế giá trị gia tăng VAT là: 1.101.552.480 đồng. Ngày 06/9/2023 ký phụ lục 03 với giá trị sau thuế giá trị gia tăng VAT là: -24.714.072 đồng. Hợp đồng này đã thi công xong, Công ty T và Công ty H đã thống nhất đến khối lượng quyết toán. Công ty T đã xuất hóa đơn đầy đủ.

Về khối lượng đợt 3, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 16/02/2023 theo ID: 20230216104740 với giá trị thanh toán kỳ này là: 950.838.900 đồng. Ngày 01/6/2023, Công ty H đã thanh toán 1 phần đợt 3 này với số tiền: 240.000.000 đồng nên nguyên đơn chỉ yêu cầu thanh toán phần còn lại đợt 3 với số tiền: 710.838.900 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 02/3/2023.

Về khối lượng đợt 4, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 10/6/2023 theo ID: 20230610020245 với giá trị thanh toán kỳ này là: 120.619.977 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 24/6/2023.

Về khối lượng đợt quyết toán Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 31/10/2023 theo ID: 20231031052042 với giá trị quyết toán là: 175.166.212 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 28/11/2023.

7/Hợp đồng số 15/TQ/WANTWANT/2020 ngày 13/10/2020

Ngày 13/10/2020, Công ty T và Công ty H ký hợp đồng số 15/TQ/WANTWANT/2020 về việc cung cấp và thi công chống thấm công trình xây dựng nhà xưởng mới của W Việt Nam, địa điểm tại Lô 23B, 25A, 29A, 30 Khu công nghiệp G, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang, với giá trị hợp đồng sau thuế giá trị gia tăng VAT là: 7.538.537.050 đồng. Ngày 01/6/2021, ký phụ lục 01 với giá trị sau thuế giá trị gia tăng VAT là: 924.940.940 đồng. Ngày 04/9/2021 ký phụ lục 02 với giá trị sau thuế giá trị gia tăng VAT là: 3.028.629.065 đồng. Hợp đồng này đã thi công xong, Công ty T và Công ty H đã thống nhất khối lượng từ đợt 1 đến đợt 5 và Công ty T đã xuất hóa đơn đầy đủ các đợt.

Về khối lượng đợt 5 H xác nhận giá trị cho T ngày 10/11/2022 theo ID: 20221110091242 với giá trị thanh toán kỳ này là: 588.533.014 đồng. Ngày 03/12/2024 nhận được khoản thanh toán với số tiền: 294.266.507 đồng của Công ty H cho dự án này nên công nợ đợt 5 hiện chỉ còn: 294.266.507 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 25/11/2022.

8/Hợp đồng số 29/TQ/PICITY/2021 ngày 10/11/2021

Ngày 10/11/2021, Công ty T và Công ty H có ký hợp đồng số 29/TQ/PICITY/2021 về việc thi công xoa nền hardener công trình Khu nhà ở Gò Sao – khối nhà C3, địa điểm số 9A đường T, Khu phố 1, phường T, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị hợp đồng sau thuế giá trị gia tăng VAT 8% là: 622.405.080 đồng. Hợp đồng này đã thi công xong, Công ty T và Công ty H đã thống nhất khối lượng từ đợt 1 đến đợt 2 và Công ty T đã xuất hóa đơn đầy đủ các đợt.

Về khối lượng đợt 2, Công ty H xác nhận giá trị cho Công ty T ngày 14/7/2022 theo ID: 20220714101955 với giá trị thanh toán kỳ này là: 418.224.972 đồng, ngày quá hạn tính từ ngày 12/10/2022.

Nhận thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty H thanh toán tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2024, cụ thể:

1/ Tuyên buộc Công ty H trả số tiền đợt 4,7,8,9,10 của hợp đồng số 18/T/PICITY.C4/2021 với số tiền: 644.956.105 đồng, tiền lãi là: 68.293.669 đồng.

2/ Tuyên buộc Công ty H trả số tiền đợt 2,3,4,5 của hợp đồng số 11/TQ/ASIANARIVERSIDE/2022 với số tiền: 2.743.061.864 đồng, tiền lãi là: 509.666.600 đồng.

3/ Tuyên buộc Công ty H trả số tiền đợt 1,2 của hợp đồng số 31/TQC/VGP-PK3/2022 với số tiền: 897.965.145 đồng, tiền lãi là: 117.677.106 đồng.

4/ Tuyên buộc Công ty H trả số tiền đợt quyết toán của hợp đồng số 53/TQ/VINHOMEQ.9/2019 với số tiền: 671.394.302 đồng, tiền lãi là: 111.249.116 đồng.

5/ Tuyên buộc Công ty H trả số tiền đợt 3,4, quyết toán của hợp đồng số 18/TQ/TRUNGNGUYEN/2021 với số tiền: 936.424.113 đồng, tiền lãi là: 34.634.864 đồng.

6/ Tuyên buộc Công ty H trả số tiền đợt 3,4, quyết toán của hợp đồng số 11/T/BW/2021 với số tiền: 1.006.625.089 đồng, tiền lãi là: 72.973.424 đồng.

7/ Tuyên buộc Công ty H trả số tiền còn lại đợt 5 của hợp đồng số 15/TQ/WANTWANT/2020 với số tiền: 588.533.014 đồng, tiền lãi là: 98.244.703 đồng.

8/ Tuyên buộc Công ty H trả số tiền đợt 2 của hợp đồng số 29/TQ/PICITY/2021 với số tiền: 418.224.972 đồng, tiền lãi là: 31.555.934 đồng.

Tổng số tiền T yêu cầu H trả là 8.948.055.071 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi vụ án được đưa ra xét xử.

Bị đơn Công ty H có người đại diện hợp pháp là bà Phạm Thị Quỳnh A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Công ty T có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện. Theo đó, ngày 03/12/2024 Công ty Cổ phần Tập Đoàn Xây dựng H đã thanh toán cho T số tiền 294.266.507 đồng của dự án W theo Hợp đồng thi công 15/TQ/W/2020. Do đó, Công ty T rút 1 phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 294.266.507 đồng và thay đổi, sửa lại một phần số tiền lãi chậm trả với số tiền là 49.122.352 đồng theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/9/2024. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty H thanh toán các khoản nợ gốc của các hợp đồng là 7.612.918.097 và tiền lãi phát sinh của các hợp đồng tính đến ngày 14/4/2025 là 1.497.953.351 đồng.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 14/4/2025 của Tòa án nhân dân Quận C đã tuyên như sau:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T về việc buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H thanh toán tiền nợ gốc 294.266.507 đồng của hợp đồng số 15/TQ/W/2020 ngày 13/10/2020.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T:

2.1. Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T số tiền tính đến ngày 14/4/2025 là 9.110.871.448 đồng, trong đó nợ gốc là 7.612.918.097 đồng, tiền lãi tính đến ngày 14/4/2025 là 1.497.953.351 đồng, cụ thể:

Hợp đồng thầu phụ số 18/T/PICITY.C4/2021 ngày 08/11/2021 (các đợt 4,7,8,9,10) với số tiền nợ gốc 644.956.105 đồng, tiền lãi là 130.737.149 đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 11/TQ/ASIANARIVERSIDE/2022 ngày 19/3/2021 (các đợt 2,3,4,5) với số tiền nợ gốc 2.743.061.864 đồng, tiền lãi là 641.869.713 đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 31/TQC/VGP-PK3/2022 ngày 21/7/2022 (các đợt 1,2) với số tiền nợ gốc 897.965.145 đồng, tiền lãi là 147.951.697 đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 53/TQ/VINHOMEQ.9/2019 ngày 09/7/2019 với số tiền nợ gốc 671.394.302 đồng, tiền lãi là 144.181.926 đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 18/TQ/TRUNGNGUYEN/2021 ngày 04/10/2021 (các đợt 3,4, quyết toán) với số tiền nợ gốc 936.424.113 đồng, tiền lãi là 98.825.722 đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 11/T/BW/2021 ngày 26/3/2022 (các đợt 3,4, quyết toán) với số tiền nợ gốc 1.006.625.089 đồng, tiền lãi là 176.810.113 đồng.

Hợp đồng số 15/TQ/WANTWANT/2020 (đợt 5) với số tiền nợ gốc 294.266.507 đồng và tiền lãi là 63.267.299 đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 29/TQ/PICITY/2021 ngày 10/11/2021 (đợt 2) với số tiền nợ gốc 418.224.972 đồng, tiền lãi là 94.309.731 đồng.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/5/2025, Bị đơn là Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bị đơn trình bày yêu cầu kháng cáo: Bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ còn kháng cáo về nội dung tuyên buộc trách nhiệm thanh toán lãi của bị đơn theo quyết định của bản án sơ thẩm. Bị đơn cho rằng Bản án sơ thẩm đã không căn cứ vào thỏa thuận của các bên mà chỉ căn cứ lời trình bày một phía của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty H xác nhận số tiền nợ gốc theo Bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, Công ty H cho rằng chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng về điều kiện thanh toán nên chưa phát sinh nghĩa vụ tính lãi chậm trả. Công ty H mong muốn hòa giải, đề nghị Công ty T giảm số tiền lãi còn lại 500.000.000 đồng và giãn thời gian thanh toán cho Công ty H như sau: Thanh toán số tiền gốc vào ngày 18/9/2025, ngày 30/10/2025 thanh toán 250.000.000 đồng, ngày 30/12/2025 thanh toán 250.000.000 đồng.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Giữa Công ty T và Công ty H có mối quan hệ hợp tác rất lâu dài. Trong suốt quá trình hợp tác, Công ty T luôn chia sẻ khó khăn với Công ty H, luôn chờ Công ty H thu xếp tài chính thanh toán và Công ty T vẫn hoàn thành đầy đủ trách nhiệm đối với các công trình đã thi công với tư cách là nhà thầu phụ của Công ty H trong các dự án lớn nhỏ. Số tiền Công ty T đã phải vay ngân hàng và chịu tiền lãi suất để ứng cho số tiền thi công mà Công ty H đang thiếu là rất lớn, kéo dài nhiều năm. Công ty T đã rất thiện chí khi bất kể thời điểm nào

Công ty H thanh toán thì Công ty T cũng rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền đã thanh toán đồng thời không yêu cầu tính lãi trên số tiền này. Tuy nhiên, hiện nay Công ty H còn nợ rất nhiều công nợ và được xét xử ở 9 vụ án khác nhau. Công ty T nhận thấy Công ty H không thực sự thiện chí thanh toán nên không đồng ý với đề xuất hòa giải của Công ty H. Về yêu cầu kháng cáo của Công ty H, các chứng từ được in từ hệ thống của Công ty H, đã được Công ty T xuất hóa đơn và thực tế Công ty H cũng đã thanh toán một phần đối với các công nợ này. Căn cứ thỏa thuận tại các hợp đồng thì số tiền nợ đã quá hạn thanh toán. Nên yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của Công ty T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 14/4/2025, Tòa án nhân dân Quận C đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 06/2025/KDTM-ST. Ngày 30/5/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H có đơn kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H là còn trong hạn luật định nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn – Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại T tranh chấp hợp đồng thi công với Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H có trụ sở tại Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 38; điểm c, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân Quận C có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận C nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn, Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H kháng cáo toàn bộ bản án với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng khi không đưa các ông Trương Quang N, Hồ Ngọc P, Nguyễn Khánh H vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, yêu cầu xác định hợp đồng các bên ký kết vô hiệu do được xác lập bởi người không phải là đại diện hợp pháp, đề nghị xác định lỗi để xét yêu cầu tính lãi khi giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn đã rút lại các nội dung kháng cáo này, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về việc không chấp nhận thanh toán lãi do khoản nợ chưa đến hạn thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét để xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo trình bày của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng đã ký kết. Các nội dung thỏa thuận tại các hợp đồng do nguyên đơn viện dẫn cũng phù hợp với các căn cứ do bị đơn viện dẫn trong bản ý kiến và lời trình bày tại phiên tòa. Dù các tài liệu PMS là biểu mẫu theo lập luận của bị đơn nhưng thực tế nguyên đơn đã xuất hóa đơn theo nội dung các chứng từ PMS đã lập này cũng như nguyên đơn đã thanh toán một phần các khoản nợ từ chứng từ PMS cũng như hóa đơn đã xuất. Đây là tập quán thương mại giữa các bên thực hiện không chỉ một hai lần đối với một hợp đồng mà thực hiện trong hàng chục hợp đồng suốt thời gian kéo dài nhiều năm giữa T và H. Thời điểm tính phát sinh nghĩa vụ thanh toán và chậm thanh toán được các bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng, không phải ý chí chủ quan một phía của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã căn cứ các tài liệu chứng cứ gồm PMS và Hợp đồng, hóa đơn để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

Công ty H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở để chấp nhận.

Do không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo nên giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Người kháng cáo không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản b Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 351, Điều 352 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 3 Điều 138 Luật Xây dựng;
- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ Nghị định 37/2015/ND-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 14/4/2025 của Tòa án nhân dân Quận C:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T về việc buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H thanh toán tiền nợ gốc 294.266.507 (hai trăm chín mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm lẻ bảy) đồng của hợp đồng số 15/TQ/WANTWANT/2020 ngày 13/10/2020.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T:

2.1. Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T số tiền tính đến ngày 14/4/2025 là 9.110.871.448 (chín tỷ một trăm mười triệu tám trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc là 7.612.918.097 (bảy tỷ sáu trăm mười hai triệu chín trăm mười tám nghìn không trăm bảy mươi chín) đồng, tiền lãi tính đến ngày 14/4/2025 là 1.497.953.351 (một tỷ bốn trăm chín mươi bảy triệu chín trăm năm mươi ba nghìn ba trăm năm mươi một) đồng, cụ thể:

Hợp đồng thầu phụ số 18/T/PICITY.C4/2021 ngày 08/11/2021 (các đợt 4,7,8,9,10) với số tiền nợ gốc 644.956.105 (sáu trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn một trăm lẻ năm) đồng, tiền lãi là 130.737.149 (một trăm ba mươi triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi chín) đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 11/TQ/ASIANARIVERSIDE/2022 ngày 19/3/2021 (các đợt 2,3,4,5) với số tiền nợ gốc 2.743.061.864 (hai tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi một nghìn tám trăm sáu mươi bốn) đồng, tiền lãi là 641.869.713 (sáu trăm bốn mươi một triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm mười ba) đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 31/TQC/VGP-PK3/2022 ngày 21/7/2022 (các đợt 1,2) với số tiền nợ gốc 897.965.145 (tám trăm chín mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi lăm) đồng, tiền lãi là 147.951.697 (một trăm bốn mươi bảy triệu chín trăm năm mươi một nghìn sáu trăm chín mươi bảy) đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 53/TQ/VINHOMEQ.9/2019 ngày 09/7/2019 với số tiền nợ gốc 671.394.302 (sáu trăm bảy mươi một triệu ba trăm chín mươi tư nghìn ba trăm lẻ hai) đồng, tiền lãi là 144.181.926 (một trăm bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi một nghìn chín trăm hai mươi sáu) đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 18/TQ/TRUNGNGUYEN/2021 ngày 04/10/2021 (các đợt 3,4, quyết toán) với số tiền nợ gốc 936.424.113 (chín trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn một trăm mười ba) đồng, tiền lãi là 98.825.722 (chín mươi tám triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi hai) đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 11/T/BW/2021 ngày 26/3/2022 (các đợt 3,4, quyết toán) với số tiền nợ gốc 1.006.625.089 (một tỷ không trăm lẻ sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín) đồng, tiền lãi là 176.810.113 (một trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm mười nghìn một trăm mười ba) đồng.

Hợp đồng số 15/TQ/WANTWANT/2020 (đợt 5) với số tiền nợ gốc 294.266.507 (hai trăm chín mươi tư triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm lẻ bảy) đồng và tiền lãi là 63.267.299 (sáu mươi ba triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi chín) đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 29/TQ/PICITY/2021 ngày 10/11/2021 (đợt 2) với số tiền nợ gốc 418.224.972 (bốn trăm mười tám triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi hai) đồng, tiền lãi là 94.309.731 (chín mươi bốn triệu ba trăm lẻ chín nghìn bảy trăm ba mươi một) đồng.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

3. Về án phí:

3.1 Án phí sơ thẩm:

(1). Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H chịu án phí 117.110.871 (một trăm mười bảy triệu một trăm mười nghìn tám trăm bảy mươi một) đồng.

(2). Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại T số tiền 58.475.740 (năm mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu số 0059135 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng H phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu số 0060226 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 1 Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Phùng Thị Như Mai